

Số : 449/QĐ-UBND

Vạn Ninh, ngày 28 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung có mục tiêu năm 2020 cho UBND các xã: Vạn Bình, Vạn Hưng, Vạn Lương, Vạn Long và Đại Lãnh để hỗ trợ kinh phí thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đối với các tuyến rác mới phát sinh trên địa bàn các xã 6 tháng đầu năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2638/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND huyện Vạn Ninh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Thực hiện Thông báo số 1022/TB-UBND ngày 05/12/2019 của UBND huyện Vạn Ninh về việc Kết luận của ông Võ Lục Phẩm – Phó Chủ tịch UBND huyện về việc thực hiện công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải các tuyến phát sinh mới tại 05 xã Đại Lãnh, Vạn Long, Vạn Bình, Vạn Lương và Vạn Hưng trong 6 tháng đầu năm 2020;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung có mục tiêu năm 2020 cho UBND các xã: Vạn Bình, Vạn Hưng, Vạn Lương, Vạn Long và Đại Lãnh để hỗ trợ kinh phí thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đối với các tuyến rác mới phát sinh trên địa bàn các xã 6 tháng đầu năm 2020, với số tiền: **492.317.000 đồng (Bốn trăm chín mươi hai triệu, ba trăm mười bảy nghìn đồng)**, cụ thể như sau:

- UBND xã Vạn Bình:	28.405.000 đồng.
- UBND xã Vạn Hưng:	91.026.000 đồng.
- UBND xã Vạn Lương:	113.622.000 đồng.
- UBND xã Vạn Long:	85.216.000 đồng.
- UBND xã Đại Lãnh:	174.048.000 đồng.

* *Nguồn kinh phí thực hiện:* Nguồn ngân sách huyện năm 2020.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Căn cứ vào dự toán bổ sung được giao tại Điều 1, UBND các xã: Vạn Bình, Vạn Hưng, Vạn Lương, Vạn Long và Đại Lãnh có trách nhiệm phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục tiêu và quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

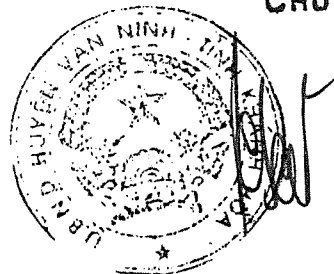
Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch UBND các xã: Vạn Bình, Vạn Hưng, Vạn Lương, Vạn Long và Đại Lãnh và Thủ trưởng các ngành liên quan căn cứ Quyết định thi hành *Wan*

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Lưu: VT. *KIA* /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Trần Kim Bảo

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

XÃ, THỊ TRẤN HUYỆN VẠN NINH NĂM 2020

Đơn vị : Ủy ban nhân dân xã Đại Lãnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND huyện Vạn Ninh)

Mã số SDNS : 1 0 6 6 9 0 3

ĐVT : Đồng

STT	NỘI DUNG	Thu NSNN	Thu NS xã
I	TỔNG THU NSNN (A + B + C)	174.048.000	174.048.000
A	CÁC KHOẢN THU TRONG CÂN ĐỐI		
1	Thu ngoài quốc doanh		
1.1	Thuế Giá trị gia tăng		
1.2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		
1.3	Thuế Tiêu thụ đặc biệt		
1.4	Thuế Tài nguyên		
1.5	Thuế Môn Bài		
1.6	Thu khác		
2	Lệ phí trước bạ (nhà, đất)		
3	Thuế SDD Nông nghiệp		
4	Phí, lệ phí		
5	Các khoản thu về nhà, đất		
5.1	Thuế SD đất phi Nông nghiệp (thuế Nhà đất)		
5.2	Tiền sử dụng đất		
6	Thuế thu nhập cá nhân		
7	Thu ngân sách xã (thu tại xã)		
7.1	- Thu từ quỹ đất công ích và đất công		
7.2	- Thu sự nghiệp		
7.3	- Thu khác ngân sách		
B	CÁC KHOẢN THU NGOÀI CÂN ĐỐI		
1	Phí, lệ phí		
	- Lệ phí chợ		
	- Phí vệ sinh		
	- Phí sử dụng đường bộ		
2	Các khoản đóng góp		
	- Đóng góp xây dựng CSHT		
	- Đóng góp khác		
C	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN	174.048.000	174.048.000
1	Bổ sung cân đối ngân sách :		
a	Bổ sung cân đối chi thường xuyên + <i>Bổ sung cân đối NS xã</i> <i>tr đó: Bù chi vệ sinh môi trường</i>		
b	Bổ sung vốn đầu tư theo phân cấp + <i>Nguồn phân cấp của tỉnh</i>		
2	Bổ sung có mục tiêu :	174.048.000	174.048.000
a	* Nguồn vốn tỉnh + Nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu		
b	* Nguồn NS huyện + <i>Nguồn cấp quyền SDD</i> + <i>Nguồn vốn vay</i> + <i>Nguồn vốn khác</i>	174.048.000	174.048.000
		174.048.000	174.048.000
II	NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2017		
1	50% tăng thu (thực hiện 2015 / dự toán 2015) : chưa giao		
2	50% tăng thu		
3	Nguồn tiết kiệm chi TX 10%		
III	NGUỒN TIẾT KIỆM THÊM 10%		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

XÃ, THỊ TRẤN HUYỆN VẠN NINH NĂM 2020

Đơn vị: Ủy ban nhân dân xã Đại Lãnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của UBND huyện Vạn Ninh)

Mã số SDNS : 1 0 6 6 9 0 3

ĐVT : Đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng chi	Trong đó : tiết kiệm chi TX 2018 (10%)
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (A + B)	174.048.000	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP (I+II+III)	174.048.000	
I	Chi đầu tư phát triển		
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung		
1.1	- Nguồn phân cấp của tỉnh		
1.2	- Nguồn vốn khác NS tỉnh		
1.3	- Nguồn vốn ngân sách huyện đầu năm chưa phân bổ		
2	Chi đầu tư từ nguồn tiền sử dụng đất		
2.1	- Nguồn cấp quyền SDD của huyện		
2.2	- Nguồn cấp quyền SDD của xã		
	<i>trong đó chi trả nợ vay vốn tín dụng ưu đãi KCHKM</i>		
3	Chi từ nguồn vốn vay		
3.1	- Từ nguồn vốn huyện vay tỉnh		
3.2	- Từ nguồn vốn xã vay huyện		
4	Chi từ nguồn vốn khác		
II	Chi thường xuyên	174.048.000	
1	Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo		
	Trung tâm học tập cộng đồng		
2	Chi Quản lý hành chính		
2.1	- Cán bộ Công chức, chuyên trách cấp xã (phân bổ theo biên chế)		
2.2	- Kinh phí hoạt động (Phân bổ theo đơn vị hành chính)		
2.3	- Cán bộ không chuyên trách		
2.4	- Bổ sung hoạt động QLHC (chế độ mới, lĩnh vực chi mới)		
3	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin		
4	Chi sự nghiệp Phát thanh truyền hình		
5	Chi sự nghiệp TDTT		
6	Chi Đảm bảo xã hội		
7	Chi An ninh, Quốc phòng		
	Trong đó : - Chi An ninh		
	- Chi Quốc phòng		
8	Chi sự nghiệp Kinh tế		
9	Chi hoạt động môi trường	174.048.000	
10	Chi Khác		
III	Dự phòng chi		
B	CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ CHI QUẢN LÝ QUA NSNN		
I	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí		
	- Lệ phí chợ		
	- Phí vệ sinh (tại các chợ xã quản lý)		
II	Chi từ nguồn nhân dân đóng góp		
C	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
XÃ, THỊ TRẤN HUYỆN VẠN NINH NĂM 2020

Đơn vị : Ủy ban nhân dân xã Vạn Long

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND huyện Vạn Ninh)

Mã số SDNS : 1 0 6 6 9 0 4

ĐVT : Đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng chi	Trong đó : tiết kiệm chi TX 2018 (10%)
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (A + B)	85.216.000	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP (I+II+III)	85.216.000	
I	Chi đầu tư phát triển		
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung		
1.1	- Nguồn phân cấp của tỉnh		
1.2	- Nguồn vốn khác NS tỉnh		
1.3	- Nguồn vốn ngân sách huyện đầu năm chưa phân bổ		
2	Chi đầu tư từ nguồn tiền sử dụng đất		
2.1	- Nguồn cấp quyền SDD của huyện		
2.2	- Nguồn cấp quyền SDD của xã		
	<i>trong đó chi trả nợ vay vốn tín dụng ưu đãi KCHKM</i>		
3	Chi từ nguồn vốn vay		
3.1	- Từ nguồn vốn huyện vay tỉnh		
3.2	- Từ nguồn vốn xã vay huyện		
4	Chi từ nguồn vốn khác		
II	Chi thường xuyên	85.216.000	
1	Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo		
	Trung tâm học tập cộng đồng		
2	Chi Quản lý hành chính		
2.1	- Cán bộ Công chức, chuyên trách cấp xã (phân bổ theo biên chế)		
2.2	- Kinh phí hoạt động (Phân bổ theo đơn vị hành chính)		
2.3	- Cán bộ không chuyên trách		
2.4	- Bổ sung hoạt động QLHC (chế độ mới, lĩnh vực chi mới)		
3	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin		
4	Chi sự nghiệp Phát thanh truyền hình		
5	Chi sự nghiệp TDTT		
6	Chi Đảm bảo xã hội		
7	Chi An ninh, Quốc phòng		
	Trong đó : - Chi An ninh		
	- Chi Quốc phòng		
8	Chi sự nghiệp Kinh tế		
9	Chi hoạt động môi trường	85.216.000	
10	Chi Khác		
III	Dự phòng chi		
B	CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ CHI QUẢN LÝ QUA NSNN		
I	Chi từ nguồn thu phí , lệ phí		
	- Lệ phí chợ		
	- Phí vệ sinh (tại các chợ xã quản lý)		
II	Chi từ nguồn nhân dân đóng góp		
C	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

XÃ, THỊ TRẤN HUYỆN VẠN NINH NĂM 2020

Đơn vị: Ủy ban nhân dân xã Vạn Long

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của UBND huyện Vạn Ninh)

Mã số SDNS : 1 0 6 6 9 0 4

ĐVT : Đồng

STT	NỘI DUNG	Thu NSNN	Thu NS xã
I	TỔNG THU NSNN (A + B + C)	85.216.000	85.216.000
A	CÁC KHOẢN THU TRONG CÂN ĐỐI		
1	Thu ngoài quốc doanh		
1.1	Thuế Giá trị gia tăng		
1.2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		
1.3	Thuế Tiêu thụ đặc biệt		
1.4	Thuế Tài nguyên		
1.5	Thuế Môn Bài		
1.6	Thu khác		
2	Lệ phí trước bạ (nhà, đất)		
3	Thuế SDD Nông nghiệp		
4	Phí, lệ phí		
5	Các khoản thu về nhà, đất		
5.1	Thuế SD đất phi Nông nghiệp (thuế Nhà đất)		
5.2	Tiền sử dụng đất		
6	Thuế thu nhập cá nhân		
7	Thu ngân sách xã (thu tại xã)		
7.1	- Thu từ quỹ đất công ích và đất công		
7.2	- Thu sự nghiệp		
7.3	- Thu khác ngân sách		
B	CÁC KHOẢN THU NGOÀI CÂN ĐỐI		
1	Phí, lệ phí		
	- Lệ phí chợ		
	- Phí vệ sinh		
	- Phí sử dụng đường bộ		
2	Các khoản đóng góp		
	- Đóng góp xây dựng CSHT		
	- Đóng góp khác		
C	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN	85.216.000	85.216.000
1	Bổ sung cân đối ngân sách :		
a	Bổ sung cân đối chi thường xuyên		
	+ <i>Bổ sung cân đối NS xã</i>		
	<i>tr đó: Bù chi vệ sinh môi trường</i>		
b	Bổ sung vốn đầu tư theo phân cấp		
	+ <i>Nguồn phân cấp của tỉnh</i>		
2	Bổ sung có mục tiêu :	85.216.000	85.216.000
a	* Nguồn vốn tỉnh		
	+ Nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu		
b	* Nguồn NS huyện	85.216.000	85.216.000
	+ <i>Nguồn cấp quyền SDD</i>		
	+ <i>Nguồn vốn vay</i>		
	+ <i>Nguồn vốn khác</i>	85.216.000	85.216.000
II	NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2017		
1	50% tăng thu (thực hiện 2015 / dự toán 2015) : chưa giao		
2	50% tăng thu		
3	Nguồn tiết kiệm chi TX 10%		
III	NGUỒN TIẾT KIỂM THÊM 10%		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

XÃ, THỊ TRẤN HUYỆN VẠN NINH NĂM 2020

Đơn vị: Ủy ban nhân dân xã Vạn Lương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 2/4/2020 của UBND huyện Vạn Ninh)

Mã số SDNS : 1 0 6 7 1 5 4

ĐVT : Đồng

STT	NỘI DUNG	Thu NSNN	Thu NS xã
I	TỔNG THU NSNN (A + B + C)	113.622.000	113.622.000
A	CÁC KHOẢN THU TRONG CÂN ĐỐI		
1	Thu ngoài quốc doanh		
1.1	Thuế Giá trị gia tăng		
1.2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		
1.3	Thuế Tiêu thụ đặc biệt		
1.4	Thuế Tài nguyên		
1.5	Thuế Môn Bài		
1.6	Thu khác		
2	Lệ phí trước bạ (nhà, đất)		
3	Thuế SDD Nông nghiệp		
4	Phí, lệ phí		
5	Các khoản thu về nhà, đất		
5.1	Thuế SD đất phi Nông nghiệp (thuế Nhà đất)		
5.2	Tiền sử dụng đất		
6	Thuế thu nhập cá nhân		
7	Thu ngân sách xã (thu tại xã)		
7.1	- Thu từ quỹ đất công ích và đất công		
7.2	- Thu sự nghiệp		
7.3	- Thu khác ngân sách		
B	CÁC KHOẢN THU NGOÀI CÂN ĐỐI		
1	Phí, lệ phí		
	- Lệ phí chợ		
	- Phí vệ sinh		
	- Phí sử dụng đường bộ		
2	Các khoản đóng góp		
	- Đóng góp xây dựng CSHT		
	- Đóng góp khác		
C	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN	113.622.000	113.622.000
1	Bổ sung cân đối ngân sách :		
a	Bổ sung cân đối chi thường xuyên		
	+ <i>Bổ sung cân đối NS xã</i>		
	<i>tr đó: Bù chi vệ sinh môi trường</i>		
b	Bổ sung vốn đầu tư theo phân cấp		
	+ <i>Nguồn phân cấp của tỉnh</i>		
2	Bổ sung có mục tiêu :	113.622.000	113.622.000
a	* Nguồn vốn tỉnh		
	+ Nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu		
b	* Nguồn NS huyện	113.622.000	113.622.000
	+ <i>Nguồn cấp quyền SDD</i>		
	+ <i>Nguồn vốn vay</i>		
	+ <i>Nguồn vốn khác</i>	113.622.000	113.622.000
II	NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2017		
1	50% tăng thu (thực hiện 2015 / dự toán 2015) : chưa giao		
2	50% tăng thu		
3	Nguồn tiết kiệm chi TX 10%		
III	NGUỒN TIẾT KIỂM THÊM 10%		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

XÃ, THỊ TRẤN HUYỆN VẠN NINH NĂM 2020

Đơn vị: Ủy ban nhân dân xã Vạn Lương

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2020 của UBND huyện Vạn Ninh)

Mã số SDNS : 1067154

ĐVT : Đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng chi	Trong đó : tiết kiệm chi TX 2018 (10%)
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (A + B)	113.622.000	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP (I+II+III)	113.622.000	
I	Chi đầu tư phát triển		
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung		
1.1	- Nguồn phân cấp của tỉnh		
1.2	- Nguồn vốn khác NS tỉnh		
1.3	- Nguồn vốn ngân sách huyện đầu năm chưa phân bổ		
2	Chi đầu tư từ nguồn tiền sử dụng đất		
2.1	- Nguồn cấp quyền SDD của huyện		
2.2	- Nguồn cấp quyền SDD của xã		
	<i>trong đó chi trả nợ vay vốn tín dụng ưu đãi KCHKM</i>		
3	Chi từ nguồn vốn vay		
3.1	- Từ nguồn vốn huyện vay tỉnh		
3.2	- Từ nguồn vốn xã vay huyện		
4	Chi từ nguồn vốn khác		
II	Chi thường xuyên	113.622.000	
1	Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo		
	Trung tâm học tập cộng đồng		
2	Chi Quản lý hành chính		
2.1	- Cán bộ Công chức, chuyên trách cấp xã (phân bổ theo biên chế)		
2.2	- Kinh phí hoạt động (Phân bổ theo đơn vị hành chính)		
2.3	- Cán bộ không chuyên trách		
2.4	- Bổ sung hoạt động QLHC (chế độ mới, lĩnh vực chi mới)		
3	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin		
4	Chi sự nghiệp Phát thanh truyền hình		
5	Chi sự nghiệp TDTT		
6	Chi Đảm bảo xã hội		
7	Chi An ninh, Quốc phòng		
	Trong đó : - Chi An ninh		
	- Chi Quốc phòng		
8	Chi sự nghiệp Kinh tế		
9	Chi hoạt động môi trường	113.622.000	
10	Chi Khác		
III	Dự phòng chi		
B	CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ CHI QUẢN LÝ QUẢ NSNN		
I	Chi từ nguồn thu phí , lệ phí		
	- Lệ phí chợ		
	- Phí vệ sinh (tại các chợ xã quản lý)		
II	Chi từ nguồn nhân dân đóng góp		
C	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

XÃ, THỊ TRẤN HUYỆN VẠN NINH NĂM 2020

Đơn vị : Ủy ban nhân dân xã Vạn Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND huyện Vạn Ninh)

Mã số SDNS : 1 0 6 6 8 9 7

ĐVT : Đồng

STT	NỘI DUNG	Thu NSNN	Thu NS xã
I	TỔNG THU NSNN (A + B + C)	28.405.000	28.405.000
A	CÁC KHOẢN THU TRONG CÂN ĐỐI		
1	Thu ngoài quốc doanh		
1.1	Thuế Giá trị gia tăng		
1.2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		
1.3	Thuế Tiêu thụ đặc biệt		
1.4	Thuế Tài nguyên		
1.5	Thuế Môn Bài		
1.6	Thu khác		
2	Lệ phí trước bạ (nhà, đất)		
3	Thuế SDD Nông nghiệp		
4	Phí, lệ phí		
5	Các khoản thu về nhà, đất		
5.1	Thuế SD đất phi Nông nghiệp (thuế Nhà đất)		
5.2	Tiền sử dụng đất		
6	Thuế thu nhập cá nhân		
7	Thu ngân sách xã (thu tại xã)		
7.1	- Thu từ quỹ đất công ích và đất công		
7.2	- Thu sự nghiệp		
7.3	- Thu khác ngân sách		
B	CÁC KHOẢN THU NGOÀI CÂN ĐỐI		
1	Phí, lệ phí		
	- Lệ phí chợ		
	- Phí vệ sinh		
	- Phí sử dụng đường bộ		
2	Các khoản đóng góp		
	- Đóng góp xây dựng CSHT		
	- Đóng góp khác		
C	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN	28.405.000	28.405.000
1	Bổ sung cân đối ngân sách :		
a	Bổ sung cân đối chi thường xuyên		
	+ <i>Bổ sung cân đối NS xã</i>		
	<i>tr đó: Bù chi vệ sinh môi trường</i>		
b	Bổ sung vốn đầu tư theo phân cấp		
	+ <i>Nguồn phân cấp của tỉnh</i>		
2	Bổ sung có mục tiêu :	28.405.000	28.405.000
a	* Nguồn vốn tỉnh		
	+ Nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu		
b	* Nguồn NS huyện	28.405.000	28.405.000
	+ <i>Nguồn cấp quyền SDD</i>		
	+ <i>Nguồn vốn vay</i>		
	+ <i>Nguồn vốn khác</i>	28.405.000	28.405.000
II	NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2017		
1	50% tăng thu (thực hiện 2015 / dự toán 2015) : chưa giao		
2	50% tăng thu		
3	Nguồn tiết kiệm chi TX 10%		
III	NGUỒN TIẾT KIỂM THÊM 10%		

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
XÃ, THỊ TRẤN HUYỆN VẠN NINH NĂM 2020**

Đơn vị : Ủy ban nhân dân xã Vạn Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2020 của UBND huyện Vạn Ninh)

Mã số SDNS : 1 0 6 6 8 9 7

ĐVT : Đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng chi	Trong đó : tiết kiệm chi TX 2018 (10%)
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (A + B)	28.405.000	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP (I+II+III)	28.405.000	
I	Chi đầu tư phát triển		
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung		
1.1	- Nguồn phân cấp của tỉnh		
1.2	- Nguồn vốn khác NS tỉnh		
1.3	- Nguồn vốn ngân sách huyện đầu năm chưa phân bổ		
2	Chi đầu tư từ nguồn tiền sử dụng đất		
2.1	- Nguồn cấp quyền SĐĐ của huyện		
2.2	- Nguồn cấp quyền SĐĐ của xã		
	<i>trong đó chi trả nợ vay vốn tín dụng ưu đãi KCHKM</i>		
3	Chi từ nguồn vốn vay		
3.1	- Từ nguồn vốn huyện vay tỉnh		
3.2	- Từ nguồn vốn xã vay huyện		
4	Chi từ nguồn vốn khác		
II	Chi thường xuyên	28.405.000	
1	Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo Trung tâm học tập cộng đồng		
2	Chi Quản lý hành chính		
2.1	- Cán bộ Công chức, chuyên trách cấp xã (phân bổ theo biên chế)		
2.2	- Kinh phí hoạt động (Phân bổ theo đơn vị hành chính)		
2.3	- Cán bộ không chuyên trách		
2.4	- Bổ sung hoạt động QLHC (chế độ mới, lĩnh vực chi mới)		
3	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin		
4	Chi sự nghiệp Phát thanh truyền hình		
5	Chi sự nghiệp TDTT		
6	Chi Đảm bảo xã hội		
7	Chi An ninh, Quốc phòng Trong đó : - Chi An ninh - Chi Quốc phòng		
8	Chi sự nghiệp Kinh tế		
9	Chi hoạt động môi trường		
10	Chi Khác	28.405.000	
III	Dự phòng chi		
B	CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ CHI QUẢN LÝ QUA NSNN		
I	Chi từ nguồn thu phí , lệ phí - Lệ phí chợ - Phí vệ sinh (tại các chợ xã quản lý)		
II	Chi từ nguồn nhân dân đóng góp		
C	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
XÃ, THỊ TRẤN HUYỆN VẠN NINH NĂM 2020**

Đơn vị: Ủy ban nhân dân xã Vạn Hưng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 28/10/2020 của UBND huyện Vạn Ninh)

Mã số SDNS : 1 0 1 2 8 2 5

ĐVT : Đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng chi	Trong đó : tiết kiệm chi TX 2018 (10%)
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (A + B)	91.026.000	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP (I+II+III)	91.026.000	
I	Chi đầu tư phát triển		
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung		
1.1	- Nguồn phân cấp của tỉnh		
1.2	- Nguồn vốn khác NS tỉnh		
1.3	- Nguồn vốn ngân sách huyện đầu năm chưa phân bổ		
2	Chi đầu tư từ nguồn tiền sử dụng đất		
2.1	- Nguồn cấp quyền SĐĐ của huyện		
2.2	- Nguồn cấp quyền SĐĐ của xã		
	<i>trong đó chi trả nợ vay vốn tín dụng ưu đãi KCHKM</i>		
3	Chi từ nguồn vốn vay		
3.1	- Từ nguồn vốn huyện vay tỉnh		
3.2	- Từ nguồn vốn xã vay huyện		
4	Chi từ nguồn vốn khác		
II	Chi thường xuyên	91.026.000	
1	Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo		
	Trung tâm học tập cộng đồng		
2	Chi Quản lý hành chính		
2.1	- Cán bộ Công chức, chuyên trách cấp xã (phân bổ theo biên chế)		
2.2	- Kinh phí hoạt động (Phân bổ theo đơn vị hành chính)		
2.3	- Cán bộ không chuyên trách		
2.4	- Bổ sung hoạt động QLHC (chế độ mới, lĩnh vực chi mới)		
3	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin		
4	Chi sự nghiệp Phát thanh truyền hình		
5	Chi sự nghiệp TDTT		
6	Chi Đảm bảo xã hội		
7	Chi An ninh, Quốc phòng		
	Trong đó : - Chi An ninh		
	- Chi Quốc phòng		
8	Chi sự nghiệp Kinh tế		
9	Chi hoạt động môi trường	91.026.000	
10	Chi Khác		
III	Dự phòng chi		
B	CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ CHI QUẢN LÝ QUA NSNN		
I	Chi từ nguồn thu phí , lệ phí		
	- Lệ phí chợ		
	- Phí vệ sinh (tại các chợ xã quản lý)		
II	Chi từ nguồn nhân dân đóng góp		
C	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		

UBND HUYỆN VẠN NINH

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

XÃ, THỊ TRẤN HUYỆN VẠN NINH NĂM 2020

Đơn vị : Ủy ban nhân dân xã Vạn Hưng

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của UBND huyện Vạn Ninh)

Mã số SDNS : 1 0 1 2 8 2 5

ĐVT : Đồng

STT	NỘI DUNG	Thu NSNN	Thu NS xã
I	TỔNG THU NSNN (A + B + C)	91.026.000	91.026.000
A	CÁC KHOẢN THU TRONG CÂN ĐỐI		
1	Thu ngoài quốc doanh		
1.1	Thuế Giá trị gia tăng		
1.2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		
1.3	Thuế Tiêu thụ đặc biệt		
1.4	Thuế Tài nguyên		
1.5	Thuế Môn Bài		
1.6	Thu khác		
2	Lệ phí trước bạ (nhà, đất)		
3	Thuế SDD Nông nghiệp		
4	Phí, lệ phí		
5	Các khoản thu về nhà, đất		
5.1	Thuế SD đất phi Nông nghiệp (thuế Nhà đất)		
5.2	Tiền sử dụng đất		
6	Thuế thu nhập cá nhân		
7	Thu ngân sách xã (thu tại xã)		
7.1	- Thu từ quỹ đất công ích và đất công		
7.2	- Thu sự nghiệp		
7.3	- Thu khác ngân sách		
B	CÁC KHOẢN THU NGOÀI CÂN ĐỐI		
1	Phí, lệ phí		
	- Lệ phí chợ		
	- Phí vệ sinh		
	- Phí sử dụng đường bộ		
2	Các khoản đóng góp		
	- Đóng góp xây dựng CSHT		
	- Đóng góp khác		
C	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN	91.026.000	91.026.000
1	Bổ sung cân đối ngân sách :		
a	Bổ sung cân đối chi thường xuyên		
	+ <i>Bổ sung cân đối NS xã</i>		
	<i>tr đó: Bù chi vệ sinh môi trường</i>		
b	Bổ sung vốn đầu tư theo phân cấp		
	+ <i>Nguồn phân cấp của tỉnh</i>		
2	Bổ sung có mục tiêu :	91.026.000	91.026.000
a	* Nguồn vốn tỉnh		
	+ Nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu		
b	* Nguồn NS huyện	91.026.000	91.026.000
	+ <i>Nguồn cấp quyền SDD</i>		
	+ <i>Nguồn vốn vay</i>		
	+ <i>Nguồn vốn khác</i>	91.026.000	91.026.000
II	NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2017		
1	50% tăng thu (thực hiện 2015 / dự toán 2015) : chưa giao		
2	50% tăng thu		
3	Nguồn tiết kiệm chi TX 10%		
III	NGUỒN TIẾT KIỀM THÊM 10%		